TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HS- PT
Ngày: 07/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Bản;

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thế Doanh;

2. Ông Hoàng Văn Giang.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Kháng Tùng, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nông Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2026/TLPT-HS ngày 06/3/2026 do có kháng cáo của bị cáo Dương Xuân S với bản án hình sự sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày: 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo: **Dương Xuân S**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02 tháng 5 năm 1985, tại Thái Nguyên; Hộ khẩu thường trú: xóm L, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Xuân X, đã chết, Con bà: Phạm Hồng Y; Vợ: Hứa Thị S1 và có 03 con.(Bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2025; 2026)

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T từ ngày 05/9/2025 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho bị cáo (do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T cử):* Luật sư Phạm Ngọc K thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh T.

(Có mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên

** Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

** Người chứng kiến:*

1, Ông Trần Văn B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: xóm Xuân Đào, xã Tân Khánh, tỉnh Thái Nguyên

2, Ông Nguyễn Công S2, sinh năm 1975

Địa chỉ: xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 05/9/2025, tổ công tác công an xã T nhận được thông tin từ quần chúng nhân dân về việc tại nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964, trú tại Xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên có người đang sử dụng trái phép chất ma tuý. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, xác minh tin báo phát hiện Dương Xuân S có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma tuý, quá trình kiểm tra Sáng tự khai nhận vừa sử dụng ma tuý và tự giác lấy 01 ví da màu đen bên trong có 01 gói nilon chứa một phần là chất bột dạng cục màu trắng theo Sáng trình bày là ma tuý dạng H và một phần là chất bột màu hồng theo Sáng trình bày là ma túy hồng phiến, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen mặt trước bị nứt vỡ, số IMEI: 869874043827656; 01 chiếc bật lửa gas đã qua sử dụng, số tiền 565.000 đồng (lấy từ bên phải phía trước túi áo bò để tại giường nơi Sáng ngồi) giao nộp cho tổ công tác Công an xã T. Quá trình làm việc, S còn khai nhận khoảng 13 giờ cùng ngày, tại khu vực gần Cầu V thuộc xóm D, xã T, tỉnh Thái Nguyên, S đã bán ma tuý H1 và hồng phiến cho Nguyễn Văn Q (sinh ngày 24/11/1973, HKTT: xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên) với giá 300.000 đồng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản quả tang và niêm phong số vật chứng trên theo quy định.

Cùng ngày, tiến hành kiểm tra, xác định địa điểm Sáng bán ma tuý cho Nguyễn Văn Q và địa điểm Sáng sử dụng trái phép, tàng trữ trái phép chất ma tuý thu giữ được 01 mảnh giấy bạc, kích thước 04x04 cm, đã qua sử dụng. Tổ công tác niêm phong ký hiệu C.

Tiến hành xét nghiệm, kiểm tra chất ma tuý trong nước tiểu: Dương Xuân S dương tính với KET, MET, AMP, OPI, Nguyễn Văn Q dương tính với OPI.

Tiến hành cân xác định khối lượng chất bột dạng cục màu trắng và chất bột màu hồng thu giữ được của Dương Xuân S: Số chất bột dạng cục màu trắng có khối lượng là 0,120 gam; Số chất bột màu hồng có khối lượng là 0,095 gam. Lấy toàn bộ chất bột dạng cục màu trắng cho vào bì niêm phong ký hiệu B1, toàn bộ chất bột màu hồng cho vào bì niêm phong ký hiệu B2 gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 310/KL-KTHS ngày 13/9/2025 của phòng K1, Công an tỉnh T, kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine (H). Chất bột màu hồng trong bì niêm phong ký hiệu B2 gửi giám định là chất ma túy; loại Heroine (H) và M.

Tại Cơ quan điều tra, lời khai ban đầu Dương Xuân S khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 05/9/2025, Dương Xuân S mượn xe máy Sirius (Sáng không nhớ rõ biển kiểm soát) của ông Nguyễn Văn N đi từ xã T, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực phường G, tỉnh Thái Nguyên mua 550.000 đồng ma tuý H và hồng phiến của một người đàn ông tên Q1 (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể). Sau khi mua ma tuý, trên đường về xã T, tỉnh Thái Nguyên Sáng san một nửa số ma tuý trên vào một gói giấy bạc mà Sáng đã chuẩn bị trước, một nửa còn lại Sáng cất vào ví da màu đen của S. Đến khoảng 13 giờ ngày 05/9/2025, tại khu vực gần cầu Vồng thuộc xóm D, xã T, tỉnh Thái Nguyên, S gặp và bán số ma tuý H1 và hồng phiến vừa san ra gói giấy bạc cho Nguyễn Văn Q với giá 300.000 đồng (đã gọi điện thoại trao đổi trước đó). Q đưa cho Sáng 300.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, S cầm tiền và đưa số ma tuý trên cho Q rồi S đi về nhà ông N. Tại đây, S ngồi ở giường trong nhà ông N để sử dụng ma tuý bằng hình thức hít (khi S sử dụng thì ông N đi ra ngoài, không có trong nhà). Khi S vừa sử dụng ma tuý xong thì tổ công tác của Công an xã T phát hiện, bắt quả tang như nêu trên.

Sau đó, S thay đổi lời khai, S khai: Khoảng 9 giờ sáng ngày mùng 5/9/2025 S và Năm đang đi lên thành phố T thì Q gọi cho S nói "hôm nay có gì không?", (ý là có ma túy không) S nói không, thì Q bảo Sáng mua hộ Q 300.000 đồng, S nói hết tiền rồi thì Q bảo S về Q đưa tiền cho, sau đó khoảng 13 giờ Sáng quay về xã T gặp Q, Q đưa tiền cho S để đi mua ma túy về sử dụng chung. Sáng không bán ma túy cho Q. Ngoài ra, tại phiên tòa Sáng còn khai, ngày 05/9/2025 sau khi cân xong ma túy, S bị tạm giữ tại tầng 2 tòa nhà của công an tỉnh T, tại đây Sáng bị các đồng chí công an bức cung, nhục hình.

Vật chứng của vụ án: 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Dương Xuân S; 01 bì thư niêm phong ký hiệu K, bên trong có chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 869874043827656 cũ đã qua sử dụng thu giữ của Dương Xuân S; 01 bì thư niêm phong ký hiệu B1, bên trong có 0,091 gam mẫu B1 hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói; 01 bì thư niêm phong ký hiệu B2, bên trong có 0,091 gam mẫu B2 hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói; 01 bị thư niêm phong ký hiệu B3, bên trong có vỏ bì thư ký hiệu A và và vỏ gói; 01 bì niêm phong ký hiệu C, bên trong có 01 mảnh giấy bạc, kích thước (04x04)cm, đã qua sử dụng thu giữ của Dương Xuân S; Số tiền 565.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố bị cáo Dương Xuân S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về áp dụng điều luật và mức hình phạt:

Về hình phạt chính: Áp dụng Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Xuân S 03 (Ba) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 6 Điều 251; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Xuân S 4 (B1) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 7 (B2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo bị tạm giữ ngày 05/9/2025.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự Buộc bị cáo phải nộp số tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

Ngoài ra bản án còn quyết định các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Ngày 10/02/2026 bị cáo Dương Xuân S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo cho rằng không có hành vi mua bán nên không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo vì gia đình bị cáo là hộ nghèo.

Đại diện viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, xem xét toàn diện nội dung kháng cáo, tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày: 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên theo hướng giữ nguyên hình phạt chính không áp dụng hình phạt bổ sung, không buộc bị cáo phải chịu án phí vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Bị cáo tranh luận cho rằng các bản khai, biên bản lấy lời khai cũng như các văn bản tố tụng trong ngày 05/9/2025 có nội dung không chính xác vì thời điểm đó bị cáo nhận thức rằng chỉ phạm vào 01 tội nên đã khai đúng diễn biến chi tiết hành vi của mình.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử trước khi quyết định hình phạt cân nhắc xem xét đánh giá khách quan toàn diện quyết định mức án cho phù hợp với tính chất hành vi của bị cáo; quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày: 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên; còn nếu quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ thì đề nghị Hội đồng sửa bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo không có bổ sung gì, lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử mức án nhẹ nhất, tuyên bị cáo không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Đại diện viện kiểm sát sau khi tranh luận giữ nguyên quan điểm đã đề nghị

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo và được làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/4/2026, bị cáo kêu oan về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đồng thời đề nghị được cử người bào chữa cho bị cáo với lý do bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2026. Để đảm bảo quyền lợi của bị cáo Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa xác minh nội dung trên.

Với tài liệu chứng cứ tại thời điểm xét xử được lưu giữ tại hồ sơ cùng với kết quả xác minh xác định: Bị cáo Dương Xuân S thuộc đối tượng hộ nghèo vào các năm 2025; 2026. Tại phiên tòa sơ thẩm 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên Hội đồng xét xử đã không làm rõ bị cáo tại thời điểm xét xử có thuộc đối tượng hộ nghèo được trợ giúp pháp lý hay không.

Với kết quả như trên xác định tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo thuộc đối tượng hộ nghèo nên thuộc diện được Nhà nước cử người bào chữa là trợ giúp pháp lý, cấp sơ thẩm đã không tiến hành các thủ tục chỉ định người bào chữa cho bị cáo là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tuy nhiên việc vi phạm không ảnh hưởng đến đường lối xét xử cấp phúc thẩm đã khắc phục nội dung này để đảm bảo quyền và lợi chính đáng cho bị cáo nên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bị cáo của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Dương Xuân S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, cũng như tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Với tài liệu chứng cứ được lưu giữ tại hồ sơ cũng như xét hỏi tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy: Các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang (Tại bút lục số 42) bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị cáo (Tại các bút lục số 148,149) phù hợp với nhau về mặt thời gian thống nhất về nội dung và phù hợp tất cả lời khai của anh Nguyễn Văn Q trong suốt quá trình tố tụng; Lời khai của bị cáo trong giai đoạn đầu tố tụng, lời khai của anh Nguyễn Văn Q phù hợp thống nhất với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" xử phạt bị cáo 04 năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội không oan không sai kháng cáo của bị cáo về nội dung này không có căn cứ không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin miễn án phí và miễn hình phạt bổ sung của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Qua xác minh bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với phân tích như [1] để đảm bảo quyền cho bị cáo cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4].Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày: 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Thái Nguyên về phần án phí và hình phạt bổ sung.

1. Hình phạt:

1.1. Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Xuân S 03 (Ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Xuân S 04 (B1) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (B2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2025.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành bản án.

1.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bị cáo.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 1 -Thái Nguyên;
- TAND khu vực 1-Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 1-Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Bản